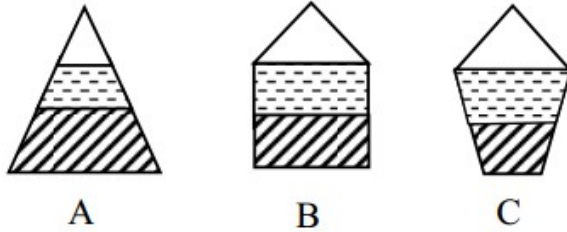


- Câu 9:** Trong quần xã sinh vật, kiểu phân bố cá thể theo chiều thẳng đứng có xu hướng
- A. làm tăng mức độ cạnh tranh giữa các loài, tăng hiệu quả sử dụng nguồn sống.
 - B. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các loài, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn sống.
 - C. làm tăng mức độ cạnh tranh giữa các loài, giảm hiệu quả sử dụng nguồn sống.
 - D. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các loài, giảm khả năng sử dụng nguồn sống.

Câu 10: Tháp tuổi của 3 quần thể sinh vật với trạng thái phát triển khác nhau như sau:



Quy ước:

- A: Tháp tuổi của quần thể 1
- B: Tháp tuổi của quần thể 2
- C: Tháp tuổi của quần thể 3
- Nhóm tuổi trước sinh sản
- Nhóm tuổi đang sinh sản
- Nhóm tuổi sau sinh sản

Quan sát 3 tháp tuổi trên có thể biết được

- A. quần thể 2 đang phát triển, quần thể 1 ổn định, quần thể 3 suy giảm (suy thoái).
- B. quần thể 3 đang phát triển, quần thể 2 ổn định, quần thể 1 suy giảm (suy thoái).
- C. quần thể 1 đang phát triển, quần thể 3 ổn định, quần thể 2 suy giảm (suy thoái).
- D. quần thể 1 đang phát triển, quần thể 2 ổn định, quần thể 3 suy giảm (suy thoái).

Câu 11: Giả sử một lưới thức ăn đơn giản gồm các sinh vật được mô tả như sau: cào cào, thỏ và nai ăn thực vật; chim sâu ăn cào cào; báo ăn thỏ và nai; mèo rừng ăn thỏ và chim sâu. Trong lưới thức ăn này, các sinh vật cùng thuộc bậc dinh dưỡng cấp 2 là :

- A. cào cào, thỏ, nai.
- B. chim sâu, mèo rừng, báo.
- C. chim sâu, thỏ, mèo rừng.
- D. cào cào, chim sâu, báo.

Câu 12: Cho các ví dụ sau:

- (1) Sán lá gan sống trong gan bò. (2) Ong hút mật hoa.
- (3) Tảo giáp nở hoa gây độc cho cá, tôm. (4) Trùng roi sống trong ruột mối.

Những ví dụ phản ánh mối quan hệ hỗ trợ giữa các loài trong quần xã là:

- A. (2), (4).
- B. (1), (3).
- C. (2), (3).
- D. (1), (4).

Câu 13: Khi nói về chuỗi và lưới thức ăn, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Khi thành phần loài trong quần xã thay đổi thì cấu trúc lưới thức ăn cũng bị thay đổi.
- B. Trong một lưới thức ăn, mỗi bậc dinh dưỡng chỉ có một loài.
- C. Tất cả các chuỗi thức ăn đều được bắt đầu từ sinh vật sản xuất.
- D. Trong một quần xã, mỗi loài sinh vật chỉ tham gia vào một chuỗi thức ăn.

Câu 14: Mối quan hệ giữa hai loài sinh vật, trong đó một loài có lợi còn loài kia không có lợi cũng không bị hại thuộc về

- A. quan hệ kí sinh.
- B. quan hệ cạnh tranh.
- C. quan hệ hội sinh.
- D. quan hệ cộng sinh.

Câu 15: Trong trường hợp không có nhập cư và xuất cư, kích thước của quần thể sinh vật sẽ tăng lên khi

- A. mức độ sinh sản tăng, mức độ tử vong giảm.
- B. mức độ sinh sản giảm, sự cạnh tranh tăng.
- C. mức độ sinh sản không thay đổi, mức độ tử vong tăng.
- D. mức độ sinh sản giảm, mức độ tử vong tăng.

Câu 16: Khi nói về thành phần hữu sinh của hệ sinh thái, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Nấm là một nhóm sinh vật có khả năng phân giải các chất hữu cơ thành các chất vô cơ.

B. Tất cả các loài vi khuẩn đều là sinh vật phân giải, chúng có vai trò phân giải các chất hữu cơ thành các chất vô cơ.

C. Thực vật là nhóm sinh vật duy nhất có khả năng tổng hợp chất hữu cơ từ chất vô cơ.

D. Sinh vật tiêu thụ gồm các động vật ăn thực vật, động vật ăn động vật và các vi khuẩn.

Câu 17: Trong các kiểu phân bố cá thể của quần thể sinh vật, kiểu phân bố phổ biến nhất là

A. phân bố ngẫu nhiên.

B. phân bố đồng đều.

C. phân bố theo nhóm.

D. phân bố theo chiều thẳng đứng.

Câu 18: Quần thể sinh vật tăng trưởng theo tiềm năng sinh học trong điều kiện nào sau đây?

A. Không gian cư trú của quần thể bị giới hạn, gây nên sự biến động số lượng cá thể.

B. Nguồn sống trong môi trường không hoàn toàn thuận lợi, gây nên sự xuất cư theo mùa.

C. Nguồn sống trong môi trường không hoàn toàn thuận lợi, hạn chế về khả năng sinh sản của loài.

D. Nguồn sống trong môi trường rất dồi dào, hoàn toàn thỏa mãn nhu cầu của các cá thể.

Câu 19: Đặc trưng nào sau đây không phải là đặc trưng của quần thể giao phối?

A. Tỷ lệ các nhóm tuổi.

B. Độ đa dạng về loài.

C. Mật độ cá thể.

D. Tỷ lệ giới tính.

Câu 20: Khi kích thước của quần thể giảm xuống dưới mức tối thiểu thì

A. trong quần thể có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể.

B. quần thể dễ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn đến diệt vong.

C. khả năng sinh sản của quần thể tăng do cơ hội gặp nhau giữa các cá thể đực với cá thể cái nhiều hơn.

D. sự hỗ trợ giữa các cá thể tăng, quần thể có khả năng chống chịu tốt với những thay đổi của môi trường.

Câu 21: Cho các dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật sau:

(1) Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng bò sát giảm mạnh vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 8°C.

(2) Ở Việt Nam, vào mùa xuân và mùa hè có khí hậu ẩm áp, sâu hại xuất hiện nhiều.

(3) Số lượng cây tràm ở rừng U Minh Thượng giảm mạnh sau sự cố cháy rừng tháng 3 năm 2002.

(4) Hàng năm, chim cu gáy thường xuất hiện nhiều vào mùa thu hoạch lúa, ngô.

Những dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật theo chu kì là

A. (2) và (4).

B. (2) và (3).

C. (1) và (4).

D. (1) và (3).

Câu 22: Trong hệ sinh thái trên cạn, thực vật hấp thụ nitơ qua hệ rễ dưới dạng

A. NO và NH_4^+ .

B. N_2O và NO_3^- .

C. NO_3^- và N_2 .

D. NO_3^- và NH_4^+ .

Câu 23: Khi nói về mật độ cá thể của quần thể, phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Mật độ cá thể có ảnh hưởng tới mức độ sử dụng nguồn sống trong môi trường.

B. Khi mật độ cá thể của quần thể giảm, thức ăn dồi dào thì sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài giảm.

C. Khi mật độ cá thể của quần thể tăng quá cao, các cá thể cạnh tranh nhau gay gắt.

D. Mật độ cá thể của quần thể luôn cố định, không thay đổi theo thời gian và điều kiện sống của môi trường.

Câu 24: Cho chuỗi thức ăn: Cây ngô → Sâu ăn lá ngô → Nhái → Rắn hổ mang → Diều hâu. Trong chuỗi thức ăn này, nhái là động vật tiêu thụ

A. bậc 2.

B. bậc 3.

C. bậc 4.

D. bậc 1.

Câu 25: Cho các quần xã sinh vật sau:

(1) Rừng thưa cây gỗ nhỏ ưa sáng. (2) Cây bụi và cây cỏ chiếm ưu thế.

(3) Cây gỗ nhỏ và cây bụi. (4) Rừng lim nguyên sinh. (5) Trảng cỏ.

Sơ đồ đúng về quá trình diễn thế thứ sinh dẫn đến quần xã bị suy thoái tại rừng lim Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn là

A. (2) →(3) →(1) →(5) →(4).

B. (4) →(1) →(3) →(2) →(5).

C. (4) →(5) →(1) →(3) →(2).

D. (5) →(3) →(1) →(2) →(4).

Câu 26: Hiện tượng khống chế sinh học trong quần xã dẫn đến

A. sự phát triển của một loài nào đó trong quần xã.

B. làm giảm độ đa dạng sinh học của quần xã.

C. trạng thái cân bằng sinh học trong quần xã.

D. sự tiêu diệt của một loài nào đó trong quần xã.

Câu 27: Trong quần xã sinh vật, loài có tần suất xuất hiện và độ phong phú cao, sinh khối lớn, quyết định chiều hướng phát triển của quần xã là

A. loài chủ chốt.

B. loài ưu thế.

C. loài đặc trưng.

D. loài ngẫu nhiên.

Câu 28: Trong nghề nuôi cá để thu được năng suất cá tối đa trên một đơn vị diện tích mặt nước thì điều nào dưới đây là cần làm hơn cả ?

A. Nuôi nhiều loài cá thuộc cùng một chuỗi thức ăn

B. Nuôi nhiều loài cá với mật độ càng cao càng tốt.

C. Nuôi một loài cá thích hợp với mật độ cao và cho dư thừa thức ăn.

D. Nuôi nhiều loài cá sống ở các tầng nước khác nhau.

Câu 29: Quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể sinh vật

A. xuất hiện khi mật độ cá thể của quần thể xuống quá thấp.

B. chỉ xảy ra ở các quần thể động vật, không xảy ra ở các quần thể thực vật.

C. thường làm cho quần thể suy thoái dẫn đến diệt vong.

D. đảm bảo cho số lượng và sự phân bố các cá thể trong quần thể duy trì ở mức độ phù hợp với sức chứa của môi trường.

Câu 30: Thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể được gọi là

A. tuổi sinh thái.

B. tuổi quần thể.

C. tuổi sinh sản.

D. tuổi sinh lí.

----- HẾT -----